

BẢNG KÊ
DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG 56/56 LÔ ĐẤT Ở
Tại thị trấn Gia Lộc cũ và Điểm dân cư mới thôn Quán Đào (Giai đoạn 1 và 2)
(Kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Chủ tịch UBND xã Gia Lộc)

ĐVT: đồng

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số Căn Cước	Ký hiệu lô đất	DT đất (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Tiền đặt trước đã thu (đồng)	Giá tiền đặt mua (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô đất)	Giá khởi điểm (đồng/lô đất)	Chênh lệch (ĐỒNG)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (ĐỒNG)
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11=10x7	12=8x7	13 = 11-12	14=11-9
I	Khu dân cư mới thị trấn Gia Lộc (cũ)											
1	Nguyễn Huy Bê	36 Nguyễn Chế Nghĩa, xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng	030077006982	L10	72.0	19,000,000	274,000,000	48,990,000	3,527,280,000	1,368,000,000	2,159,280,000	3,253,280,000
2	Hoàng Thị Hồng	số 145 Nguyễn Khang, tổ 21, Yên Hòa, TP Hà Nội	000156000005	L34	107.5	19,000,000	409,000,000	54,000,000	5,805,000,000	2,042,500,000	3,762,500,000	5,396,000,000
3	Lê Gia Thu	78 Nguyễn Chế Nghĩa, Phường Điểm 1, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030079008126	L35	67.5	19,000,000	257,000,000	69,600,000	4,698,000,000	1,282,500,000	3,415,500,000	4,441,000,000
4	Lê Gia Thu	78 Nguyễn Chế Nghĩa, Phường Điểm 1, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030079008126	L36	72.0	19,000,000	274,000,000	62,000,000	4,464,000,000	1,368,000,000	3,096,000,000	4,190,000,000
5	Lê Gia Trung	Phường Điểm 1, xã Gia Lộc, TP Hải Phòng	030074002495	L37	80.0	19,000,000	304,000,000	39,566,000	3,165,280,000	1,520,000,000	1,645,280,000	2,861,280,000
6	Nguyễn Đình Nam	565 Nguyễn Chế Nghĩa, xã Gia Lộc, TP Hải Phòng	030093016183	L38	80.0	19,000,000	304,000,000	37,890,000	3,031,200,000	1,520,000,000	1,511,200,000	2,727,200,000
7	Phạm Văn Mạnh	Phù, Đường An, TP Hải Phòng	030083006113	L39	80.0	19,000,000	304,000,000	36,368,000	2,909,440,000	1,520,000,000	1,389,440,000	2,605,440,000
8	Lê Gia Trung	Phường Điểm, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030074002495	L40	80.0	19,000,000	304,000,000	35,000,000	2,800,000,000	1,520,000,000	1,280,000,000	2,496,000,000
9	Trần Đức Hùng	Thôn Mỹ Trạch, xã Đường An, thành phố Hải Phòng	030079003218	L43	80.0	19,000,000	304,000,000	29,789,000	2,383,120,000	1,520,000,000	863,120,000	2,079,120,000
10	Nguyễn Thị Hằng	số 36 Lê Duy Lương, xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng	030180003367	L44	80.0	19,000,000	304,000,000	31,600,000	2,528,000,000	1,520,000,000	1,008,000,000	2,224,000,000
11	Vũ Văn Việt	Khu 6, Gia Lộc, TP Hải Phòng (nay là thôn Hội Xuyên 2, xã Gia Lộc)	030088006996	L45	80.0	19,000,000	304,000,000	29,529,000	2,362,320,000	1,520,000,000	842,320,000	2,058,320,000
12	Vũ Văn Việt	Khu 6, Gia Lộc, TP Hải Phòng (nay là thôn Hội Xuyên 2, xã Gia Lộc)	030088006996	L46	80.0	19,000,000	304,000,000	29,529,000	2,362,320,000	1,520,000,000	842,320,000	2,058,320,000

13	Vũ Văn Việt	Khu 6, Gia Lộc, TP Hải Phòng (nay là thôn Hội Xuyên 2, xã Gia Lộc)	030088006996	L48	80.0	19,000,000	304,000,000	30,290,000	2,423,200,000	1,520,000,000	903,200,000	2,119,200,000
14	Phạm Văn Mạnh	Phù, Đường An, TP Hải Phòng	030083006113	L49	80.0	22,000,000	352,000,000	52,889,000	4,231,120,000	1,760,000,000	2,471,120,000	3,879,120,000
15	Phạm Văn Mạnh	Phù, Đường An, TP Hải Phòng	030083006113	L50	80.0	22,000,000	352,000,000	52,989,000	4,239,120,000	1,760,000,000	2,479,120,000	3,887,120,000
16	Vũ Thị Thanh	Khu 6, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030183021774	L51	80.0	22,000,000	352,000,000	52,198,000	4,175,840,000	1,760,000,000	2,415,840,000	3,823,840,000
17	Vũ Thị Thanh	Khu 6, Gia Lộc, TP Hải Phòng (nay là thôn Hội Xuyên 2, xã Gia Lộc)	030183021774	L53	80.0	22,000,000	352,000,000	52,198,000	4,175,840,000	1,760,000,000	2,415,840,000	3,823,840,000
18	Lê Gia Đông	35 Lý Nam Đế, Phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng	030081008371	L54	80.0	22,000,000	352,000,000	54,000,000	4,320,000,000	1,760,000,000	2,560,000,000	3,968,000,000
19	Vũ Thị Thanh	Khu 6, Gia Lộc, TP Hải Phòng (nay là thôn Hội Xuyên 2, xã Gia Lộc)	030183021774	L57	80.0	22,000,000	352,000,000	54,889,000	4,391,120,000	1,760,000,000	2,631,120,000	4,039,120,000
20	Nguyễn Khắc Tuấn	Khu 3, Gia Lộc, TP Hải Phòng (nay là thôn Phương Điểm 3, xã Gia Lộc)	030080004670	L58	80.0	22,000,000	352,000,000	58,350,000	4,668,000,000	1,760,000,000	2,908,000,000	4,316,000,000
21	Đoàn Văn Hùng	Khu 7, xã Gia Lộc, TP Hải Phòng (nay là thôn Đức Đại 1, xã Gia Lộc)	030076010381	L61	72.0	19,000,000	274,000,000	65,800,000	4,737,600,000	1,368,000,000	3,369,600,000	4,463,600,000
22	Lê Gia Thu	78 Nguyễn Chế Nghĩa, Phương Điểm 1, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030079008126	L62	67.5	22,000,000	297,000,000	79,100,000	5,339,250,000	1,485,000,000	3,854,250,000	5,042,250,000
23	Lê Gia Thu	78 Nguyễn Chế Nghĩa, Phương Điểm 1, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030079008126	L63	107.5	22,000,000	473,000,000	65,600,000	7,052,000,000	2,365,000,000	4,687,000,000	6,579,000,000
24	Nguyễn Chiến Thắng	96 Đỗ Quang, Phương Điểm 1, Gia Lộc, Hải Phòng	030202013851	L68	80.0	22,000,000	352,000,000	55,100,000	4,408,000,000	1,760,000,000	2,648,000,000	4,056,000,000
25	Vũ Thị Thanh	Khu 6, Gia Lộc, TP Hải Phòng (nay là thôn Hội Xuyên 2, xã Gia Lộc)	030183021774	L69	80.0	22,000,000	352,000,000	56,889,000	4,551,120,000	1,760,000,000	2,791,120,000	4,199,120,000
26	Vũ Thị Thanh	Khu 6, Gia Lộc, TP Hải Phòng (nay là thôn Hội Xuyên 2, xã Gia Lộc)	030183021774	L70	80.0	22,000,000	352,000,000	56,889,000	4,551,120,000	1,760,000,000	2,791,120,000	4,199,120,000
27	Đoàn Xuân Huỳnh	Đồng Mơ, xã Gia Lộc, Thành phố Hải Phòng	030091003471	L73	96.0	22,000,000	422,000,000	55,819,000	5,358,624,000	2,112,000,000	3,246,624,000	4,936,624,000
II	Điểm dân cư thôn Quán Đào (Giai đoạn 2)											
28	Nguyễn Văn Dũng	Thôn Giã, Yết Kiêu, thành phố Hải Phòng	030085005113	LK4.1	125.0	8,000,000	200,000,000	19,186,689	2,398,336,125	1,000,000,000	1,398,336,125	2,198,336,125

29	Trần Đức Hùng	Thôn Mỹ Trạch, xã Đường An, thành phố Hải Phòng	030079003218	LK4.2	125.0	8,000,000	200,000,000	17,999,000	2,249,875,000	1,000,000,000	1,249,875,000	2,049,875,000
30	Bùi Văn Minh	Nhân Lý, Chí Minh, TP Hải Phòng	030082024224	LK4.3	125.0	8,000,000	200,000,000	18,200,000	2,275,000,000	1,000,000,000	1,275,000,000	2,075,000,000
31	Đỗ Thị Bay	TDP Tru, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng	030184008707	LK4.4	125.0	8,000,000	200,000,000	18,388,000	2,298,500,000	1,000,000,000	1,298,500,000	2,098,500,000
32	Trần Thị Hương	165 khu La Xuyên, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng	030187003129	LK4.5	111.8	8,000,000	179,000,000	23,199,000	2,593,648,200	894,400,000	1,699,248,200	2,414,648,200
33	Trần Thị Hương	165 khu La Xuyên, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng	030187003129	LK4.6	110.0	8,000,000	176,000,000	20,588,000	2,264,680,000	880,000,000	1,384,680,000	2,088,680,000
34	Lê Gia Trung	Phương Diêm, xã Gia Lộc, TP Hải Phòng	030074002495	LK4.7	100.0	8,000,000	160,000,000	20,600,000	2,060,000,000	800,000,000	1,260,000,000	1,900,000,000
35	Lê Gia Trung	Phương Diêm, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030074002495	LK4.8	100.0	8,000,000	160,000,000	20,600,000	2,060,000,000	800,000,000	1,260,000,000	1,900,000,000
36	Bùi Thị Ngân	Thôn Phương Xá, xã Yết Kiêu, TP Hải Phòng	030191000862	LK4.9	100.0	8,000,000	160,000,000	20,600,000	2,060,000,000	800,000,000	1,260,000,000	1,900,000,000
37	Nguyễn Nhật Linh	An Xá, Trần Phú, TP Hải Phòng	030090011635	LK4.10	100.0	8,000,000	160,000,000	20,701,000	2,070,100,000	800,000,000	1,270,100,000	1,910,100,000
38	Cao Thị Tú Oanh	Thôn Đỗ Thượng, xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng	001193006603	LK4.11	100.0	8,000,000	160,000,000	21,300,000	2,130,000,000	800,000,000	1,330,000,000	1,970,000,000
39	Phạm Duy Thắng	Thượng Bi 1, Yết Kiêu, TP Hải Phòng	030087001092	LK4.12	100.0	8,000,000	160,000,000	20,879,000	2,087,900,000	800,000,000	1,287,900,000	1,927,900,000
40	Lưu Văn Điển	TDP Tru, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng	030078007182	LK4.13	110.0	8,000,000	176,000,000	20,880,000	2,296,800,000	880,000,000	1,416,800,000	2,120,800,000
41	Cao Thị Tú Oanh	Thôn Đỗ Thượng, xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng	001193006603	LK4.14	107.2	8,000,000	172,000,000	23,700,000	2,540,640,000	857,600,000	1,683,040,000	2,368,640,000
42	Lưu Thị Hòa	Lô 3.1 Khu CC và nhà ở Việt Hòa, TDP 6, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng	030185024836	LK4.15	125.0	8,000,000	200,000,000	18,880,000	2,360,000,000	1,000,000,000	1,360,000,000	2,160,000,000
43	Lê Thị Oanh	Bắc Sơn, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	037171000580	LK4.16	125.0	8,000,000	200,000,000	18,600,000	2,325,000,000	1,000,000,000	1,325,000,000	2,125,000,000
44	Đỗ Thị Hà Hào	Đội 3, TDP Cộng Hòa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	019180000838	LK4.17	125.0	8,000,000	200,000,000	18,300,000	2,287,500,000	1,000,000,000	1,287,500,000	2,087,500,000
45	Nguyễn Thị Chính	Đội 4, thôn Quán Đào, xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng	030184015501	LK4.18	125.0	8,000,000	200,000,000	20,055,000	2,506,875,000	1,000,000,000	1,506,875,000	2,306,875,000

46	Trần Đức Hùng	Thôn Mỹ Trạch, xã Đường An, thành phố Hải Phòng	030079003218	LK5.1	114.0	8,000,000	182,000,000	22,369,000	2,550,066,000	912,000,000	1,638,066,000	2,368,066,000
47	Vương Quốc Thăng	165 Khu Ia Xuyên, xã Nam Sách, Hải Phòng	030087010060	LK5.2	110.0	8,000,000	176,000,000	19,999,000	2,199,890,000	880,000,000	1,319,890,000	2,023,890,000
48	Cao Thị Tú Oanh	Thôn Đổ Thượng, xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng	001193006603	LK5.3	100.0	8,000,000	160,000,000	20,700,000	2,070,000,000	800,000,000	1,270,000,000	1,910,000,000
49	Tăng Thị Hòa	Thôn Cao Dương, xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng	030178009993	LK5.4	100.0	8,000,000	160,000,000	20,668,000	2,066,800,000	800,000,000	1,266,800,000	1,906,800,000
50	Bùi Thị Tâm	Quán Đào, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030179014899	LK5.5	100.0	8,000,000	160,000,000	19,839,000	1,983,900,000	800,000,000	1,183,900,000	1,823,900,000
51	Bùi Thị Tâm	Quán Đào, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030179014899	LK5.6	100.0	8,000,000	160,000,000	19,839,000	1,983,900,000	800,000,000	1,183,900,000	1,823,900,000
52	Vũ Đình Chức	Sỏi Cầu, Đường An, thành phố Hải Phòng	030088004691	LK5.7	100.0	8,000,000	160,000,000	20,300,000	2,030,000,000	800,000,000	1,230,000,000	1,870,000,000
53	Vũ Đình Chức	Sỏi Cầu, Đường An, thành phố Hải Phòng	030088004691	LK5.8	100.0	8,000,000	160,000,000	20,200,000	2,020,000,000	800,000,000	1,220,000,000	1,860,000,000
54	Vương Quốc Thăng	165 Khu Ia Xuyên, xã Nam Sách, TP Hải Phòng	030087010060	LK5.9	110.0	8,000,000	176,000,000	19,899,000	2,188,890,000	880,000,000	1,308,890,000	2,012,890,000
55	Nguyễn Văn Tuyên	La Xá, Tân Kỳ, TP Hải Phòng	030081005250	LK5.10	107.0	8,000,000	171,000,000	23,399,000	2,503,693,000	856,000,000	1,647,693,000	2,332,693,000
III	Điểm dân cư mới thôn Quán Đào (Giai đoạn 1)											
56	Đỗ Văn Hạo	số 2/28 Vũ Duy Chí, khu Thượng Đạt, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng	030095013107	LK1.1	111.2	12,000,000	267,000,000	31,380,000	3,489,456,000	1,334,400,000	2,155,056,000	3,222,456,000
	Tổng cộng				5373.2		14,131,000,000		174,609,363,325	70,645,400,000	103,963,963,325	160,478,363,325

